TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** TỈNH N	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 23/2023/DS-ST
Ngày 08/9/2023
Về tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích T

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị T

Bà Nguyễn Thị Ngọc N

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Trung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N - tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2023/TLST - DS ngày 28 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023 ngày 23/8/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

Địa chỉ: số 89 H, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Phạm Tuấn A - PGĐ trung tâm xử lý nợ pháp lý (văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020)

Người được ủy quyền lại:

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1997 – Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà V, 78 D, quận C, thành phố H (văn bản ủy quyền số 82/2023/UQ-LCC-KHDNMB1 ngày 08/3/2023).

- ***Bị đơn:*** Bà Lê Thị H1, sinh năm 1976.

Số căn cước công dân 036176001172

Đăng ký thường trú: số nhà 32, ngõ 463, đường Lê Thái Tổ, phố Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, thành phố N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt đại diện Nguyên đơn.Vắng mặt Bị đơn: bà H1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2023, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng TMCP Việt Nam T trình bày:*

Do có nhu cầy vay vốn nên ngày 22/9/2020, bà Lê Thị H1 đã ký kết Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2009152778591 với Ngân hàng T. Theo đó số tiền bà Lê Thị H1 vay là 2.800.000.000đồng (*hai tỷ tám trăm triệu đồng*) thời hạn vay là 84 tháng, mục đích sử dụng vốn: Đầu tư tài sản cố định phục vụ kinh doanh mua xe 03 ô tô tải, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8,99%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày 23/9/2020. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01; 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 23/9/2021 điều chỉnh sau đó vào ngày 01/10/2021. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 84 tháng được bên ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3%. Lãi suất quá hạn: lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Về phân kỳ trả nợ: bên vay phải trả nợ gốc cho Ngân hàng theo định kỳ 01/tháng /lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/10/2020 tổng cộng 84 kỳ, mỗi kỳ trả 33.333.333 đồng; riêng kỳ cuối cùng trả 33.333.361đồng. Về phân kỳ trả lãi: Bên vay phải trả lãi cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/10/2020. Để đảm bảo cho khoản vay, bà Lê Thị H1 đã thế chấp Tài sản bảo đảm gồm:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu CNHTC ZZ3257N34, số khung 410DL1A00155, số máy 191107037887; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 35C-119.16 mang tên bà Lê Thị H1 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh N cấp ngày 18/9/2020.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu CNHTC ZZ3257N34, số khung 410DL1A00174, số máy 191107038107; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 35C-119.47 mang tên bà Lê Thị H1 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh N cấp ngày 15/9/2020.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu CNHTC ZZ3257N34, số khung 410DL1A00172, số máy 191107037767 ; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 35C-119.51 mang tên bà Lê Thị H1 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh N cấp ngày 15/9/2020.

Tất cả các phụ tùng thiết bị, vật phụ… được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

Theo Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô thì bên bà H1 đã giao toàn bộ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe cho Ngân hàng quản lý, còn bên Ngân

hàng giao cho bên bà H1 giấy biên nhận thế chấp và giao xe cho bà H1 quản lý và tham gia giao thông.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H1 mới trả gốc 335.411.890đồng; lãi 196.010.391đồng. Ngày 15/11/2021 bà Lê Thị H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã yêu cầu bà Lê Thị H1 thanh toán trả nợ để thu hồi nợ trước hạn tuy nhiên bà Lê Thị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 14/12/2022 Ngân hàng đã ra Thông báo yêu cầu bà Lê Thị H1 bàn giao tài sản bảo đảm để Ngân hàng thu hồi nợ. Đến nay bà Lê Thị H1 vẫn cố ý không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, hiện 03 chiếc xe ô tô mà bà H1 bảo đảm cho khoản vay nợ, Ngân hàng không rõ thông tin tài sản hiện nay đang ở đâu, không rõ tình trạng xe và giá trị xe hiện tại.

Tính đến ngày xét xử 08/9/2023 bà Lê Thị H1 còn nợ Ngân hàng là: tiền gốc: 2.464.588.110đồng, tiền lãi là 1.132.657.958 đồng và tiền lãi chậm trả là 102.846.783đồng. Tổng cộng: 3.700.092.851đồng. Ngân hàng yêu cầu bà H1 phải trả số tiền trên, ngoài ra bà H1 tiếp tục chịu lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng; đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án Kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 03 chiếc xe ô tô đã thế chấp theo Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô đã ký ngày 22/9/2020; tất cả các phụ tùng thiết bị, vật phụ… được lắp thêm thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.Trường hợp số tiền phát mại các tài sản không đủ để thanh toán khoản nợ, bà Lê Thị H1 vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

Tài liệu chứng cứ Ngân hàng cung cấp: Đơn khởi kiện; Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2009152778591 (bản sao + bản gốc); Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 22/9/2020 (bản sao + bản gốc); Giấy biên nhận hồ sơ tài sản bảo đảm (bản gốc); Thông tin thu nhập của khách hàng bảng kê thu nhập ngày 10/9/2020(bản gốc); Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 23/9/2020 (bản sao); Biên bản định giá tài sản (bản sao + bản gốc); Điều kiện giao dịch chung về cho vay và thế chấp xe ô tô (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên bà Lê Thị H1 số 025613 có biển kiểm soát 35C-119.16 (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên bà Lê Thị H1 số 025566 có biển kiểm soát 35C-119.47 (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên bà Lê Thị H1 số 025565 có biển kiểm soát 35C-119.51 (bản sao); Văn bản ủy quyền số 82/2023/UQ-LCC-KHCNMB1 ngày 08/3/2023 (bản chính); Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ bà Lê Thị H1 (bản photo); Giấy xác nhận số chứng minh nhân dân bà Lê Thị H1 (bản photo); Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 18/8/2020 của bà Lê Thị H1 (bản photo); Căn cước công dân của bà Lê Thị H1 (bản photo); Đơn đề nghị về việc đề nghị Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ; bảng tổng hợp dư nợ, bảng kê tính lãi của P đối với khách hàng Lê Thị H1 các ngày 05/5/2023, 19/7/2023, 23/8/2023, 08/9/2023; Bản tự khai của đại diện Ngân hàng các ngày 05/5/2023, 15/5/2023, 30/5/2023, 19/7/2023, 23/8/2023,

08/9/2023; Thông báo ngày 14/12/2022 của Ngân hàng gửi bà Lê Thị H1 về việc yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm; lịch sử trả nợ của bà H1.

** Bị đơn bà Lê Thị H1*: không có ý kiến gì; không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mặc dù Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, tống đạt giấy triệu tập đương sự, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng khác hợp lệ.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tại phiên tòa vắng mặt Bị đơn mặc dù Tòa án đã tống đạt triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

Đề nghị áp dụng các Điều 463, 466, 468 của BLDS năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH; điểm a khoản 1 điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

1. Buộc bà Lê Thị H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 3.700.092.851đồng, trong đó tiền gốc là 2.464.588.110đồng; tiền lãi là 1.132.657.958 đồng; lãi chậm trả là 102.846.783đồng.

Kể từ ngày 09/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, bà H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS 2015.

Trường hợp bà H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý đối với tài sản bà H1 đã thế chấp theo quy định. Tài sản gồm 03 xe ô tô tải BKS 35C-119.16, 35C-119.47, 35C-119-51 mang tên bà Lê Thị H1.

- Án phí dân sự sơ thẩm: bà H1 phải chịu án phí sơ thẩm là 106.002.000đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 46.800.000đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự TP N theo Biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2021/0001056 ngày 28/3/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về quan hệ tranh chấp*:

Do có nhu cầu vay vốn, bà Lê Thị H1 có số căn cước công dân 036176001172 và địa chỉ tại ngõ 463, đường Lê Thái Tổ, phố Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, thành phố N, tỉnh N ký kết Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2009152778591 ngày 22/9/2020 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam T theo đó bà H1 đã vay vốn tại Ngân hàng số tiền vay là 2.800.000.000đồng. Để đảm bảo khoản vay bà H1 đã thế chấp 03 chiếc xe ô tô thuộc quyền sở hữu của bà H1 gồm:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu CNHTC ZZ3257N34, số khung 410DL1A00155, số máy 191107037887; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 35C-119.16 mang tên bà Lê Thị H1 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh N cấp ngày 18/9/2020.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu CNHTC ZZ3257N34, số khung 410DL1A00174, số máy 191107038107; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 35C-119.47 mang tên bà Lê Thị H1 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh N cấp ngày 15/9/2020.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu CNHTC ZZ3257N34, số khung 410DL1A00172, số máy 191107037767 ; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 35C-119.51 mang tên bà Lê Thị H1 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh N cấp ngày 15/9/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, Ngân hàng đã có đơn khởi kiện về tranh chấp Hợp đồng tín dụng với bà H1.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà H1 không đến làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Kết quả xác minh tại Công an phường Nam Thành, thành phố N, Tòa án được cung cấp bà Lê Thị H1 có số căn cước công dân và địa chỉ nói trên hiện vắng mặt tại địa phương, không biết đi đâu làm gì, không thông báo cho chính quyền địa phương được biết. Như vậy bà H1 đã cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã thu thập mẫu chữ viết chữ ký của bà Lê Thị H1 trong hồ sơ làm căn cước công dân tại Công an tỉnh N, các tài liệu khác liên quan đến hồ sơ vay vốn của bà Lê Thị H1 và tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký của bà Lê Thị H1 trong Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô ngày 22/9/2020 do K cung cấp (Ký hiệu A). Tại Kết luận giám định số 542/KL-KTHS- TL ngày 28/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: Chữ ký dạng chữ viết "H1" cuối các trang từ trang 1 đến trang 6 và chữ ký dạng chữ viết "H1- Lê Thị H1" dưới mục khách hàng tại trang 7 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký dạng chữ viết của Lê Thị H1 tại các mục được mô tả trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 là chữ do cùng một người ký viết ra. Do vậy khẳng định chữ ký của bà H1 trong Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô nói trên là đúng.

Về việc đăng ký tài sản bảo đảm: 03 chiếc xe ô tô bà Lê Thị H1 đã làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu xe tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh N; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng và đã được Trung tâm cấp Văn bản chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng đối với

03 chiếc xe ô tô với đầy đủ thông tin về nhãn hiệu, số khung, số máy, biển số xe đúng theo như Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (*cung cấp của Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm tại Văn bản số 309/CĐKGDBĐ-CCTT ngày 02/6/2023 gửi Tòa án nhân dân thành phố N có tài liệu kèm theo*).

Về bản gốc giấy tờ đăng ký quyền sở hữu của 03 chiếc xe ô tô: Hiện Ngân hàng đang quản lý.

Do vậy, khẳng định việc bà Lê Thị H1 đã ký kết Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô tại K số LN2009152778591 ngày 22/9/2020 để vay vốn số tiền 2.800.000.000đồng và thế chấp 03 chiếc xe ô tô như đã nói ở trên để đảm bảo cho khoản vay là đúng thực tế.

Về nội dung thỏa thuận trong hợp đồng: hai bên thỏa thuận thời hạn bà H1 vay số tiền 2,8 tỷ đồng là 84 tháng, mục đích sử dụng vốn: Đầu tư tài sản cố định phục vụ kinh doanh mua xe 03 ô tô tải, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8,99%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày 23/9/2020. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01; 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 23/9/2021 điều chỉnh sau đó vào ngày 01/10/2021. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 84 tháng được bên ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3%. Lãi suất quá hạn: lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Về phân kỳ trả nợ: bên vay phải trả nợ gốc cho Ngân hàng 84 kỳ, định kỳ 01/tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/10/2020, mỗi kỳ trả 33.333.333 đồng; riêng kỳ cuối cùng trả 33.333.361đồng. Về phân kỳ trả lãi: Bên vay phải trả lãi cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/10/2020. Đối chiếu với quy định của pháp luật, việc thỏa thuận lãi của Ngân hàng và bà H1 là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng T đã giải ngân số tiền 2,8 tỷ đồng cho bà H1. Đối chiếu sổ hạch toán chi tiết tài khoản khách hàng Lê Thị H1 trả tiền từ năm 2020 đến năm 2021, bảng kê tính gốc lãi tại các thời điểm giải quyết tại Tòa án thể hiện bà H1 mới thanh toán đến ngày 14/11/2021 tổng cộng là: 335.411.890 đồng tiền gốc và 196.010.391đồng tiền lãi. Như vậy số tiền gốc bà H1 còn nợ Ngân hàng P là 2.464.588.110 đồng là có căn cứ.

Về việc tính lãi: Căn cứ vào thỏa thuận của các bên về lãi trong hạn, lãi quá hạn, việc điều chỉnh lãi theo biên độ, phân kỳ trả nợ gốc và trả lãi. Bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/11/2021 do vậy bà H1 phải chịu mức lãi suất quá hạn là 150% lãi

suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tính đến ngày xét xử 08/9/2023, số tiền lãi bà H1 còn phải trả cho Ngân hàng T là 1.132.657.958 đồng và 102.846.783đồng tiền lãi chậm trả. Tổng cộng là 3.700.092.851đồng. Xét thấy việc tính lãi của Ngân hàng T là đúng theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên, phù hợp với quy định của pháp luật. Việc bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã ký kết là vi phạm hợp đồng. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam T buộc bà H1 phải trả toàn bộ số tiền gốc còn lại và số tiền lãi, tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử tổng cộng là **3.700.092.851đồng** là có căn cứ, đúng pháp luật cần được chấp nhận.

*Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Theo thỏa thuận trong hợp đồng, khi ký hợp đồng, bà H1 đã bàn giao cho Ngân hàng T toàn bộ giấy tờ gốc (giấy chứng nhận đăng ký) của 03 xe ô tô BKS 35C-119.16, 35C-119.47, 35C-119-51, còn xe do bà H1 quản lý, sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu các bên đương sự cung cấp về tình trạng chiếc xe, chiếc xe hiện nay đang ở đâu để Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ. Tuy nhiên, bà H1 là người quản lý xe nhưng vắng mặt tại địa phương, bà H1 không cung cấp tài liệu chứng cứ về chiếc xe. Về phía Ngân hàng cũng không biết được xe đang ở đâu và tình trạng xe như thế nào. Theo tài liệu do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh N cung cấp thì hiện 03 chiếc xe ô tô trên bà H1 chưa làm thủ tục sang tên, chuyển quyền sở hữu cho cá nhân, tổ chức nào (*cung cấp của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh N tại Văn bản số 335/CSGT-ĐKX ngày 31/5/2023*).

Do không có căn cứ xác định 03 chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp của bà H1 với Ngân hàng hiện đang ở đâu, tình trạng xe như nào nên Tòa án không thể thực hiện được việc xem xét thẩm định và định giá tài sản được.Quá trình giải quyết và tại phiên tòa Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 03 chiếc xe trên cùng các phụ tùng, thiết bị , vật phụ....được lắp thêm thay thế vào 03 chiếc xe. Xét thấy hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng thế chấp tài sản giữa ngân hàng và bà Lê Thị H1 đã tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật trong quá trình ký kết, hợp đồng có hiệu lực pháp luật nên việc không xác định được 03 chiếc ô tô là tài sản thế chấp ở đâu tại thời điểm tranh chấp không làm vô hiệu hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng thế chấp. Do đó, khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm. Do đó yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2]. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lê Thị H1 phải chịu án phí sơ thẩm là: 72.000.000đồng + (2% x (**3.700.092.851đồng**

– 2.000.000.000 đồng) = 106.001.857 đồng (làm tròn 106.002.000đồng). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng T tại cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của BLDS năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 147, Điều 228 BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH; điểm a khoản 1 điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm. Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T

Buộc bà Lê Thị H1 phải trả cho Ngân hàng số tiền 3.700.092.851 đồng (*Ba tỷ bẩy trăm triệu không trăm chín mươi hai nghìn tám trăm năm mươi mốt đồng*) trong đó:

+ Gốc: 2.464.588.110đồng.

+ Lãi: 1.132.657.958 đồng

+ Lãi chậm trả 102.846.783đồng

Kể từ ngày 09/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, bà H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS 2015.

Sau khi bà H1 thi hành xong khoản vay nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả toàn bộ giấy tờ của tài sản thế chấp.

Trường hợp bà H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý đối với tài sản đã thế chấp bao gồm:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu CNHTC ZZ3257N34, số khung 410DL1A00155, số máy 191107037887 ; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 35C-119.16 mang tên bà Lê Thị H1 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh N cấp ngày 18/9/2020.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu CNHTC ZZ3257N34, số khung 410DL1A00174, số máy 191107038107 ; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 35C-119.47 mang tên bà Lê Thị H1 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh N cấp ngày 15/9/2020.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu CNHTC ZZ3257N34, số khung 410DL1A00172, số máy 191107037767 ; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 35C-119.51 mang tên bà Lê Thị H1 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh N cấp ngày 15/9/2020.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng T không phải nộp án phí, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp, số tiền được trả là 46.800.000đồng (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng)*

theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001056 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án thành phố N, tỉnh N.

- Bà Lê Thị H1 phải nộp án phí số tiền là 106.002.000đồng (*Một trăm linh sáu triệu không trăm linh hai nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện Ngân hàng được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án; bà H1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi

- TAND tỉnh N
- VKSND TP N
- Chi cục thi hành án Ds TP N
- Các đương sự
- Lưu hs
- Lưu cq

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Bích T